

MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÔNG MINH GIAO PHONG
Giai đoạn 2023-2025
(Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPĐP ngày 16/3/2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên mô hình: Mô hình xã nông thôn mới thông minh Giao Phong.
2. Thời gian và địa điểm thực hiện: Năm 2023-2025 trên địa bàn xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.
3. Cơ quan chủ mô hình: UBND xã Giao Phong.
4. Cơ quan phối hợp: UBND huyện Giao Thủy, Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh, huyện và các đơn vị có liên quan.
5. Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA MÔ HÌNH

1. Sự phù hợp và đóng góp của dự án vào sự phát triển kinh tế - xã hội, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương

1.1. Vị trí địa lý

Xã Giao Phong nằm ở phía Tây Nam huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cách trung tâm huyện Giao Thủy khoảng 12 km, phía Bắc giáp xã Giao Thịnh, phía Nam giáp biển; phía Đông giáp xã Giao Yên, xã Bạch Long, phía Tây giáp thị trấn Quất Lâm. Có quốc lộ 37b, Quốc lộ ven biển đi qua nên rất thuận lợi cho giao thương phát triển kinh tế.

Xã Giao Phong là xã ven biển, có điều kiện đất cát nhẹ, phì nhiêu màu mỡ,... thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (các cây trồng có giá trị kinh tế cao như lạc đỏ, cây rau màu, khoai tây,...) và nuôi trồng, khai thác thủy sản (nuôi tôm, cá). Tổng diện tích đất tự nhiên là 756,6 ha, đất sản xuất nông nghiệp là 285 ha, trong đó đất trồng rau màu là 260 ha.

Xã Giao Phong thuộc vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa (nóng ẩm, mưa nhiều). Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23°C - 28°C; nhiệt độ ngày trong năm thấp nhất 5°C, cao nhất > 37°C; độ ẩm không khí cao, trung bình trong năm là 70% - 85%.

1.2. Điều kiện kinh tế, xã hội

Toàn xã có tổng số 2.467 hộ gia đình, với 6.835 nhân khẩu được phân bố trên 11 xóm. Đảng bộ xã có 380 Đảng viên, sinh hoạt ở 16 chi bộ (11 chi bộ xóm và 05 chi bộ cơ quan). Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế chung của toàn huyện, xã đã tập trung chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, con nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao; với tiềm năng và thế mạnh là

vùng sản xuất nông nghiệp trồng màu và nuôi trồng, khai thác hải sản trên biển đạt năng suất, sản lượng và giá trị cao. Cơ cấu nông nghiệp đang được chuyển dịch theo hướng tích cực; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản từng bước phát triển và tăng trưởng bền vững. Một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ bước đầu phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện; tình hình kinh tế - xã hội của xã có nhiều chuyển biến tích cực; kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch, năng lực sản xuất được cải thiện; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững;

Đảng bộ chính quyền xã là đơn vị trong sạch vững mạnh; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đều là đơn vị tiên tiến trở lên.

1.3. Thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Điều kiện đất đai thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhất là như lạc đỏ, cây rau màu, khoai tây,...) và nuôi trồng, khai thác thủy sản (nuôi tôm, cá). Hệ thống giao thông nội đồng phủ kín các cánh đồng, hệ thống kênh mương tưới tiêu thuận lợi, lấy nước từ hệ thống sông Cồn Nhất, Sông Sò qua sông trực cấp 2, hệ thống tiêu thoát nước chủ yếu qua cửa cống Ang Giao Phong.

- Người dân xã Giao Phong cần cù lao động, chịu khó, không ngại khó khăn. Số người trong độ tuổi lao động dồi dào, khỏe mạnh, ham học hỏi, nhiều kinh nghiệm trong lao động và sản xuất, nhất là trên lĩnh vực trồng các cây màu và khai thác, nuôi trồng thủy hải sản tại địa phương.

- Tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội luôn giữ vững, có nhiều năm liền kinh tế tăng trưởng ở mức cao, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong xã thuộc top đầu của huyện. An ninh quốc phòng trên địa bàn xã luôn ổn định, tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm so với năm trước. Hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Dân chủ được mở rộng, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân trong phong trào xây dựng Nông thôn mới.

- Huy động được nhiều nguồn lực tham gia xây dựng NTM (*Tổng kinh phí huy động xây dựng NTM đến 31/10/2022: 196.663 triệu đồng*), cơ bản là nguồn ngân sách của địa phương (*chiếm 52,04%*). Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, nổi bật là hệ thống cơ sở trường học và đường giao thông trên địa bàn xã.

- Xã Giao Phong đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022.

- Xã có khả năng áp dụng các công nghệ thông tin (CNTT) và công nghệ số và trong lĩnh vực nổi trội (95% số hộ dân có kết nối internet).

- Xã có cơ sở vật chất và nguồn nhân lực đảm bảo điều kiện và trình độ để ứng dụng CNTT, công nghệ số và các nền tảng số.

- 100% cán bộ, công chức của xã sử dụng điện thoại thông minh, có sử dụng hộp thư điện tử công vụ và văn phòng điện tử để phục vụ cho công tác điều hành, chỉ đạo, chia sẻ thông tin và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.

- Trên 80% dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- Xã Giao Phong sẵn sàng bố trí nguồn lực và cam kết triển khai mô hình xã NTM thông minh.

b) Khó khăn

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên ảnh hưởng đời sống và sản xuất - kinh doanh của nhân dân trên địa bàn xã. Việc phát triển kinh tế vùng, nhất là việc xây dựng các vùng sản xuất tập trung còn hạn chế. Những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng, rét đậm, rét hại thường kéo dài. Giá nguyên vật liệu xăng dầu, vật tư nông nghiệp tăng cao nên ảnh hưởng đến phát triển sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã.

Nguồn vốn đầu tư cho xây dựng Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên việc huy động được các nguồn lực, nhất là nguồn lực huy động đóng góp, ủng hộ từ nhân dân còn khiêm tốn.

2. Mối quan hệ với các chương trình dự án khác nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan của dự án

Mô hình xã nông thôn mới thông minh Giao Phong sẽ tận dụng tối đa và triệt để các chương trình dự án, các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đã được đầu tư trang bị đồng bộ để sử dụng có hiệu quả tương ứng vào các chỉ tiêu của xã nông thôn mới thông minh. Cụ thể, xã sẽ khai thác, sử dụng các hệ thống có sẵn như:

+ Lòng ghép mô hình xã NTM thông minh với thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ về “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”. Đề án này là nền móng, là bước đi căn bản để xã triển khai thực hiện xã NTM thông minh.

+ Trang TTĐT của xã Giao Phong (www.giaophong.namdinh.gov.vn) và Màn hình điện tử đặt tại UBND xã: Tuyên truyền phổ biến thông tin (pháp luật, hướng dẫn, ..) đến tận điện thoại người dân (*Chỉ tiêu số 1.3*) dưới hình thức tin tức ở các chuyên mục chuyên trang trên trang thông tin điện tử (TTĐT), Chỉ tiêu số 17.1. Người dân nhận thông báo và hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.

+ Hệ thống công dịch vụ trực tuyến có tích hợp đánh giá mức độ hài lòng của người dân tương ứng chỉ mục tiêu cải cách hành chính. (Chỉ tiêu số 1.1. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên; Chỉ tiêu số 1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/công tác hỗ trợ điều hành của chính quyền)

+ Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử: Quản lý sức khỏe người dân bằng ứng dụng CNTT (Chỉ tiêu 9.1).

+ Ứng dụng công dân: Tuyên truyền người dân sử dụng các tính năng trên ứng dụng để gửi phản ánh về an ninh trật tự cho chính quyền (Chỉ tiêu số 18.2).

Bên cạnh đó việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, để giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

3. Sự cần thiết của mô hình

Trong những năm qua phong trào xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nam Định nói chung và xã Giao Phong, huyện Giao Thủy nói riêng được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, có khẩu hiệu xây dựng xã nông thôn mới; nông thôn mới nâng cao; nông thôn mới kiểu mẫu”, là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn hợp lòng dân, làm thay đổi diện mạo nông thôn, hình thành nên những miền quê văn minh, trù phú, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, xây dựng miền quê nông thôn đáng sống.

Xây dựng thành công mô hình nông thôn mới thông minh sẽ tạo một xã hội nông thôn “dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Từ đó, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, thân thiện với môi trường, thu hẹp dần khoảng cách giữa nông thôn - thành thị.

Xã Giao Phong được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022, với cơ sở hạ tầng khang trang đường làng sạch sẽ, thông thoáng, nhà cửa được xây dựng với kiến trúc đặc trưng của địa phương, tình hình an ninh trật tự ổn định, người dân thân thiện, hiếu khách Cảnh quan môi trường ngày một sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn. Trung tâm văn hóa thôn được đầu tư khang trang, hệ thống mạng Wifi miễn phí công cộng, camera an ninh, ti vi, máy chiếu đầy đủ... Mô hình ngôi nhà trí tuệ được hình thành và phát triển mạnh mẽ. Tính đến nay, xã Giao Phong cơ bản đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu của 6/18 nội dung tại Hướng dẫn 3445/BNN-VPĐP: (1- Xây dựng chính quyền điện tử định hướng chính quyền số; 2- Hạ tầng số; 3- Dịch vụ nông thôn số; 4- Kinh tế nông thôn; 5- Đảm bảo an ninh trật tự).

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc xây dựng nông thôn mới thông minh là cần thiết và là nhu cầu tất yếu khách quan của quá trình phát triển nông thôn tại xã Giao Phong. Mô hình xã nông thôn mới thông minh hoàn toàn phù hợp và đóng góp của dự án vào sự phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và Hướng dẫn 3445/BNN-VPĐP, UBND xã Giao Phong lựa chọn một số nội dung và chỉ tiêu xây dựng xã NTM thông minh, cụ thể như sau:

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí	
<p style="text-align: center;">Xây dựng chính quyền điện tử định hướng chính quyền số</p>	<p>1. Cải cách hành chính</p>	<p>1.1. Có dịch vụ công trực tuyến một phần (<i>tương đương .mức độ 3 trở lên như quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP</i>).</p>	
		<p>1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.</p>	
		<p>1.3. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn, ...) đến tận điện thoại của người dân;</p>	
	<p>2. Kết nối công nghệ</p>	<p>2.1. Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn;</p>	
	<p>3. Kết nối xã hội</p>	<p>3.1. Thông tin liên lạc của tất cả cán bộ chính quyền được công khai cho người dân;</p>	
		<p>3.2. Có xây dựng nhóm hành động địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong xây dựng NTM và chuyển đổi số.</p>	
		<p>3.3. Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số.</p>	
	<p style="text-align: center;">Hạ tầng số</p>	<p>4. Hạ tầng kết nối Internet, hạ tầng dữ liệu</p>	<p>4.1. Tỷ lệ đáp ứng đường thuê bao kết nối Internet trên số hộ dân của xã.</p>
			<p>4.2. Tỷ lệ phủ sóng mạng di động trong phạm vi xã (4G/5G).</p>
<p>4.3. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).</p>			
<p>4.4. Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã.</p>			
<p>5. Sử dụng thiết bị kết nối Internet</p>		<p>5.1. Tỷ lệ hộ dân sở hữu ít nhất 01 thiết bị điện thoại thông minh hoặc máy tính có kết nối Internet.</p>	

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí
		5.2. Tỷ lệ cán bộ cán bộ xã, thôn sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet.
Dịch vụ nông thôn số	6. Trung tâm thông tin xã	6.1. Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.
		6.2. Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã.
		6.3. Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn
	7. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp	7.1. Có mô hình HTX ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, có sự tham gia của người dân.
		7.2. Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên các mạng xã hội, các nền tảng thương mại điện tử.
	8. Dịch vụ thanh toán trực tuyến	8.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến (điện, nước, môi trường, học phí, hành chính công...)
		8.2. Tỷ lệ số cơ sở kinh doanh dịch vụ (có ĐKKD) ứng dụng giải pháp thanh toán trực tuyến.
	9. Y tế nông thôn	9.1. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.
		9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính có kết nối internet, đường truyền camera, loa...
	10. Giáo dục nông thôn	10.1. Ứng dụng công nghệ số quản trị cơ sở giáo dục: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường; triển khai dịch vụ trực tuyến (kết nối gia đình và nhà trường, tuyển sinh đầu cấp, thu phí dịch vụ giáo dục).

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí
		10.2. Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các cơ sở giáo dục: Trang bị hạ tầng, thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy, học; triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập...
	11. Phát triển các mô hình dịch vụ nông thôn khác	11.1. Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...)
	12. Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và người dân	12.1. Số lượng lớp đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người dân/cán bộ hằng năm.
Kinh tế nông thôn	13. Sáng tạo trong phát triển kinh tế	13.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đạt chuẩn OCOP
Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH	16. Môi trường nông thôn	16.4. Người dân nhận thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải qua ứng dụng công nghệ số
	17. Ứng phó BĐKH	17. Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.
Đảm bảo an ninh trật tự, xã hội	18. Giám sát nông thôn thông minh	18.1. Có hệ thống camera giám sát an ninh, kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh
		18.2. Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã

Ghi chú: Hướng dẫn 3445/BNN-VPĐP “Một xã NTM thông minh cần triển khai thực hiện một số hoặc toàn bộ các nội dung thuộc 06 nhóm chủ đề”.

III. CƠ SỞ THỰC HIỆN MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM XÃ NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH GIAO PHONG” GIAI ĐOẠN 2023-2025

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg, ngày 2/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 16/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh giai đoạn 2021 - 2025 (Đợt 1);

- Căn cứ Hướng dẫn số 3445/BNN-VPĐP, ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử;

- Căn cứ Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Nam Định về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ Nghị Quyết số 14 - NQ/ĐU ngày 05/8/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ xã “về việc xây dựng Nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 08a/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND xã về việc xây dựng nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025”; Nghị quyết số 29-NQ/ĐU ngày 21/10/2022 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

a) Tổng kinh phí đã thực hiện tính đến 31/10/2022 là: 196.663 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn ngân sách trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới:

+ Ngân sách tỉnh 3.568 triệu đồng, chiếm 1,81%;

+ Ngân sách huyện: 14.150 triệu đồng, chiếm 7,19%;

+ Ngân sách xã 102.345 triệu đồng, chiếm 52,04%;

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 14.999 triệu đồng, chiếm 7,63%;

- Vốn huy động từ doanh nghiệp: 600 triệu đồng (đầu tư của công ty TNHH 1 thành viên KTCTTL Xuân Thủy), chiếm 0,3%;

- Vốn huy động đóng góp, ủng hộ của cộng đồng dân cư (để làm đường, trường, trạm tại các xóm): Bằng tiền: 6.000 triệu đồng, chiếm 3,05%;

- Vốn nhân dân tự nguyện đóng góp, để xây dựng cơ sở hạ tầng NTTS và chuyển đổi các mô hình sản xuất: Bằng tiền: 50.000 triệu đồng, chiếm 25,42%;

- Vốn huy động từ nguồn khác (con em xa quê, từ thiện, ủng hộ,...): 5.000 triệu đồng, chiếm 2,54%;

+ Ngày công đóng góp lao động: 3.000 ngày công, tương đương 750 triệu đồng (để làm các công trình của xã, xóm);

+ Diện tích đất nhân dân hiến, góp đất để xây dựng nông thôn mới: 10.000m² để làm các công trình của xã, xóm (trị giá ước gần 50 tỷ đồng).

b) Về sử dụng nguồn lực:

- Đầu tư cho giáo dục: 34.971 triệu đồng;
- Nâng cấp các tuyến đường giao thông: 32.516 triệu đồng
- Cải tạo, nâng cấp hạ tầng đầu mối phục vụ nuôi trồng thủy sản: 14.999 triệu đồng;
- Xây mới, tu sửa, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi: 15.478 triệu đồng;
- Xây mới, nâng cấp cơ sở vật chất trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ UBND xã: 10.899 triệu đồng;
- Xây dựng nhà văn hoá xã: 17.371 triệu đồng.
- Xây dựng khu dịch vụ thương mại: 5.808 triệu đồng;
- Xây dựng hạ tầng khu dân cư: 6.518 triệu đồng;
- Nhân dân tự nguyện đóng góp, để xây dựng cơ sở hạ tầng NTTS và chuyển đổi các mô hình sản xuất: 50.000 triệu đồng.
- Cải tạo nâng cấp các nhà văn hoá xóm, các tuyến đường dong xóm, tuyến đường cây, tuyến đường hoa, vệ sinh môi trường trên địa bàn các xóm: 8.100 triệu đồng.

2.2. Kết quả các tiêu chí chủ yếu

- Về Quy hoạch:

+ Xã có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn và được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo Quyết định số 2983/QĐ - UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Nam Định.

+ Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

+ Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được phê duyệt tại Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Nam Định.

- Về Giao Thông:

+ Xã có 54,9 km đường giao thông, trong đó có 12 km đường liên xã. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...) theo quy định đạt 100%.

+ Xã có 39 km đường xóm, liên xóm. Tỷ lệ đường xóm, liên xóm được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100% và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...). Hệ thống đèn chiếu sáng qua khu đông dân cư đảm bảo được lắp đặt đạt tỷ lệ 100% và đảm bảo “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” đạt 100%.

+ Xã có 3,9 km đường trục chính nội đồng. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100%.

- *Về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:*

+ Xã có 285 ha đất sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%.

+ Có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững là Hợp tác xã nông, ngư, diêm nghiệp. Hàng năm HTX thực hiện việc liên kết sản xuất với các hộ xã viên, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh thu năm 2021 đạt 872 triệu đồng, lãi đạt 63 triệu đồng. Năm 2022, đạt trên 1,0 tỷ đồng, lãi 87 triệu đồng.

+ Cây trồng chủ lực của địa phương là cây Lạc và Khoai tây với diện tích (230 ha Lạc; Khoai tây 230 ha). Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 100%.

+ Toàn xã có 22,786 km kênh; trong đó: kênh cấp 1: 2,85 km; kênh cấp 2: 4,8 km; kênh cấp 3: 15,136 km; và 62 cầu, cống trên kênh. Hàng năm xã đều triển khai thực hiện kế hoạch làm thủy lợi nội đồng để phục vụ sản xuất và dân sinh. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

+ Hàng năm xã đều thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

+ Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

- *Về Điện:*

Xã có 2.467 hộ/2.467 hộ sử dụng điện. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

- *Về Giáo dục:*

+ 100% cấp trường học trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn” Xanh- Sạch - Đẹp- An toàn”.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3, chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá tại Quyết định số 6552/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021.

+ Xã có 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền tại trường THCS.

- *Về Văn hóa:*

+ Triển khai lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở 11 điểm công cộng tại khu vực trung tâm xã, các xóm triển khai lắp đặt các dụng cụ tại NVH và các điểm cộng đồng của xóm. Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

+ Trên địa bàn xã có 04 di sản văn hóa (Di tích lịch sử cấp tỉnh: Đình Vuông; chùa Bình An; chùa Bảo Hoa, họ Nguyễn Đại Tộc) được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

+ Có 11/11 xóm (đạt 100%) số xóm đạt chuẩn văn hóa; có 10/11 (đạt 90,9%) số xóm đạt chuẩn văn hóa đủ 5 năm liên tục theo quy định; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95%; tỷ lệ gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt 90,5%.

- Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Trên địa bàn xã Giao Phong có 01 chợ truyền thống có cơ sở vật chất và diện tích đảm bảo yêu cầu mua bán và trao đổi hàng hóa cho nhân dân, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

- Về Thông tin và Truyền thông:

+ Có 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 82,1%.

+ Có dịch vụ báo chí, truyền thông: Có 11/11 xóm (đạt 100%) số xóm trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; Có 11/11 xóm (đạt 100%) số xóm trong xã có các hộ gia đình thu xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Có 02 điểm cung cấp xuất bản phẩm.

+ Xã đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã tính đến ngày 07/11/2022 đạt 100%, TTHC đủ điều kiện ở mức độ 4 trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

+ Kết quả số hóa TTHC và trả kết quả TTHC (tính đến ngày 08/11/2022) là 1.342/2.904 hồ sơ (đạt 46,21%).

+ Kết quả thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ TTHC phát sinh phí (tính đến ngày 08/11/2022) là 1.163/2.904 hồ sơ (đạt 40,04%).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ (tính đến ngày 08/11/2022) là 2.904/4.039 hồ sơ (đạt 71,89%).

+ Hàng năm cán bộ, công chức xã được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn chuyển đổi số. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%. Có 3.545/4.757 người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số đạt 74,5%.

+ Xã Giao Phong có 06 sản phẩm OCOP được xếp hạng cấp tỉnh từ 3 sao trở lên, 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử; 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

+ Xã đã triển khai lắp đặt mạng wifi miễn phí ở 08 điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). Có mạng wifi miễn phí tại bộ phận Một cửa của UBND xã, Trạm Y tế xã, đường truyền kết nối Internet băng thông rộng tốc độ từ 100 Mbps trở lên, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật khai thác an toàn, an ninh thông tin theo quy định hiện hành. Tại các Trường học, nhà văn hóa xóm, điểm Bưu điện văn hóa xã đều có mạng wifi miễn phí. Các địa điểm du lịch, văn hóa, danh thắng do xã quản lý,... thời gian tới sẽ triển khai lắp đặt.

- *Về Nhà ở dân cư:*

100% hộ dân có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.

- *Về Thu nhập:*

Thu nhập bình quân đầu người/người/năm: đạt 73,62 triệu đồng.

- *Về Nghèo đa chiều:*

Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2021 là 0,61%.

- *Về Lao động:*

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) năm 2021 đạt 86,03%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) năm 2021 đạt 36,84%.

+ Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn năm 2021 tăng 2,53%/năm/số lao động có việc làm so với năm năm 2020.

- *Về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:*

+ Có 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định đó là Hợp tác xã nông, ngư, diêm nghiệp.

+ Có 6 sản phẩm OCOP được xếp hạng cấp tỉnh từ 3 sao trở lên.

+ Xây dựng 01 mô hình nông nghiệp đó là mô hình sản xuất Khoai tây với quy mô 32,4 ha. Mô hình được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, áp dụng cơ giới hóa, thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Sản phẩm chủ lực của xã là Khoai tây với diện tích 32,4 ha. Xã triển khai ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng theo quy định. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt 11,2%.

+ Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

+ Xây dựng 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường) đó là mô hình sản phẩm chế biến hải sản: Cá thu 1 nắng, tôm bóc nõn, chả cá, chả mực,...

- Về Y tế:

+ Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): đến 31/12/2021 đạt 98,97%.

+ Trạm Y tế xã khang trang, hiện đại có đầy đủ nhân lực và tiện nghi thực hiện việc khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 95%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 50%. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 95%.

- Về Hành chính công:

+ Công khai 100% TTHC trên môi trường điện tử: 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp xã được niêm yết công khai và thường xuyên cập nhật, bổ sung theo đúng quy định.

+ Cập nhật và công khai đầy đủ các quy trình nội bộ, quy trình điện tử được UBND tỉnh công bố trên cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và trên trang thông tin điện tử của xã.

+ Kết quả số hóa TTHC và trả kết quả TTHC (tính đến ngày 08/11/2022) là 1.342/2.904 hồ sơ (đạt 46,21%).

+ Kết quả thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ TTHC phát sinh phí (tính đến ngày 08/11/2022) là 1.163/2.904 hồ sơ (đạt 40,04%).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ (tính đến ngày 08/11/2022) là 2.904/4.039 hồ sơ (đạt 71,89%).

+ Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết TTHC: Năm 2021 đạt 99,4%; năm 2022 đạt 99,5%.

+ 100% người dân và doanh nghiệp khi sử dụng Dịch vụ công trực tuyến đã được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt trên hệ thống thông tin của chính quyền cấp xã.

+ Việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại UBND xã.

+ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn.

+ Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Về Tiếp cận pháp luật:

+ Xây dựng được 02 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận, khuyến khích nhân rộng. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành đạt 95%.

+ Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100%

- *Về Môi trường:*

+ Các khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 92%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 90%. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 90%.

+ Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt 85%. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 100%.

+ Trên địa bàn xã có 03 nghĩa trang nhân dân (trong đó 01 nghĩa trang hung táng, 02 nghĩa trang cát táng) và 01 nghĩa trang liệt sỹ. Các nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

+ Hàng năm xã tổ chức rà soát các tuyến đường trục xã, liên xã và chỉ đạo các xóm để trồng bổ sung cây xanh và trồng hoa tạo cảnh quan; tuyên truyền, vận động nhân dân cải tạo vườn, khuôn viên và trồng các loại cây ăn trái có giá trị cao. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã là 28300m² đảm bảo cho 1 người ≥ 4 m²/người theo quy định.

- *Về Chất lượng môi trường sống:*

+ Giao Phong là một trong 5 xã Tây Nam của huyện được sử dụng nước sạch từ nhà máy cấp nước sạch tập trung thị trấn Quất Lâm. Toàn xã có trên 91% số hộ đã đăng ký sử dụng, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung tại thời điểm tháng 31/10/2022 đạt 65,1%, hiện nay Nhà máy nước đang tập trung nhân lực để đẩy nhanh tiến độ đầu nối cho các hộ đã đăng ký sử dụng để tiếp tục nâng cao tỷ lệ. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt 80 lít. Công trình cấp nước tập trung cho xã Giao Phong có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

+ Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Tỷ lệ cơ sở

chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc các giấy tờ tương đương khác đạt 100%. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

+ Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

- *Về Quốc phòng và An ninh:*

+ Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân xã hoạt động chất lượng và hiệu quả. Hàng năm đều đạt chỉ tiêu huyện giao. Kết quả tuyển quân năm 2021: 18 thanh niên vượt 02 theo chỉ tiêu huyện giao (đạt 112,5%); năm 2022: 18 thanh niên vượt 02 theo chỉ tiêu huyện giao (đạt 112,5%);.

+ Trên địa bàn xã Giao Phong không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; Công an xã tham mưu UBND xã xây dựng 4 mô hình phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ (mô hình Tổ cựu chiến binh tự quản về an ninh trật tự, mô hình xóm tự quản về phòng chống ma túy; mô hình phong trào 2 tự quản, 2 chủ động đảm bảo ANTT trong phòng chống Covid-19; mô hình Camera An ninh), và đang triển khai mô hình tổ liên gia về phòng cháy chữa cháy.... Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ Xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCD ngày 28/12/2021 của Bộ Công an tại Quyết định số 5097/QĐ-UBND ngày 4/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy.

- *Về thôn mô hình thôn/xóm thông minh:*

+ Có 11/11 xóm trên địa bàn xã đã thành lập “Tổ công nghệ số cộng đồng”.

+ Có 10 sản phẩm tiêu biểu của người dân trong xóm được giới thiệu, bán hàng trên cổng thông tin điện tử; trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc bán trên sàn thương mại điện tử (các sản phẩm từ các lĩnh vực của thủy sản, trồng trọt, thực phẩm, đồ gia dụng,...).

+ Lắp đặt 01 điểm wifi miễn phí phục vụ người dân tại điểm tập trung công cộng của xã. Mạng wifi có đường truyền kết nối Internet băng thông rộng tốc độ từ 100 Mbps, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo các quy định hiện hành.

IV. MỤC TIÊU CỦA MÔ HÌNH

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã nông thôn mới thông minh, hiện đại đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong mọi mặt đời sống xã hội, thông qua việc cải thiện hạ tầng, mạng lưới viễn thông, tăng cường các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào lĩnh vực sức khỏe và giáo dục, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công và công tác hỗ trợ điều

hành của chính quyền góp phần thúc đẩy kinh tế, hướng tới mục tiêu chuyển đổi số toàn diện, sâu rộng nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

Xã Giao Phong phấn đấu đến năm 2025 thực hiện thành công nội dung các tiêu chí. Xây dựng thành công xã Nông thôn mới thông Minh Giao Phong đảm bảo 03 trụ cột “Chính quyền số”, “Kinh tế số” và “Xã hội số”.

Mục tiêu cụ thể đối với các nội dung tiêu chí như sau:

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí	Chỉ tiêu	
Xây dựng chính quyền điện tử định hướng chính quyền số	1. Cải cách hành chính	1.1. Có dịch vụ công trực tuyến một phần (<i>tương đương mức độ 3 trở lên như quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP</i>).	Đạt	
		1.2. Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.	Đạt	
		1.3. Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn, ...) đến tận điện thoại của người dân.	Đạt	
	2. Kết nối công nghệ	2.1. Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn.	Đạt	
		3. Kết nối xã hội	3.1. Thông tin liên lạc của tất cả cán bộ chính quyền được công khai cho người dân.	100%
			3.2. Có xây dựng nhóm hành động địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn người dân trong xây dựng NTM và chuyển đổi số.	Đạt
	3.3. Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số.		Đạt	
	Hạ tầng số	4. Hạ tầng kết nối Internet, hạ tầng dữ liệu	4.1. Tỷ lệ đáp ứng đường thuê bao kết nối Internet trên số hộ dân của xã.	85%
			4.2. Tỷ lệ phủ sóng mạng di động trong phạm vi xã (4G/5G).	95%

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí	Chỉ tiêu
		4.3. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	100%
		4.4. Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã.	Đạt
	5. Sử dụng thiết bị kết nối Internet	5.1. Tỷ lệ hộ dân sở hữu ít nhất 01 thiết bị điện thoại thông minh hoặc máy tính có kết nối Internet.	90%
		5.2. Tỷ lệ cán bộ cán bộ xã, thôn sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet.	100%
Dịch vụ nông thôn số	6. Trung tâm thông tin xã	6.1. Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.	Đạt
		6.2. Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã.	Đạt
		6.3. Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn	Đạt
	7. Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp	7.1. Có mô hình HTX ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, có sự tham gia của người dân.	Đạt
		7.2. Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên các mạng xã hội, các nền tảng thương mại điện tử.	Đạt
	8. Dịch vụ thanh toán trực tuyến	8.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến (điện, nước, môi trường, học phí, hành chính công...)	50%
		8.2. Tỷ lệ số cơ sở kinh doanh dịch vụ (có ĐKKD) ứng dụng giải pháp thanh toán trực tuyến.	50%
	9. Y tế nông thôn	9.1. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.	100%

Nội dung	Mục tiêu	Tiêu chí	Chỉ tiêu
		9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính có kết nối internet, đường truyền camera, loa...	Đạt
	10. Giáo dục nông thôn	10.1. Ứng dụng công nghệ số quản trị cơ sở giáo dục: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường; triển khai dịch vụ trực tuyến (kết nối gia đình và nhà trường, tuyển sinh đầu cấp, thu phí dịch vụ giáo dục).	Đạt
		10.2. Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các cơ sở giáo dục: Trang bị hạ tầng, thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy, học; triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập...	Đạt
	11. Phát triển các mô hình dịch vụ nông thôn khác	11.1. Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...)	Đạt
	12. Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và người dân	12.1. Số lượng lớp đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người dân/cán bộ hằng năm.	10
Kinh tế nông thôn	13. Sáng tạo trong phát triển kinh tế	13.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đạt chuẩn OCOP	Đạt
Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH	16. Môi trường nông thôn	16.4. Người dân nhận thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải qua ứng dụng công nghệ số	Đạt
	17. Ứng phó BĐKH	17. Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.	Đạt
Đảm bảo an ninh trật tự, xã hội	18. Giám sát nông thôn thông minh	18.1. Có hệ thống camera giám sát an ninh, kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh	Đạt
		18.2. Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã	Đạt

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA MÔ HÌNH

(Các hợp phần, hoạt động, kết quả của mô hình, dự kiến kinh phí cho từng hợp phần, hoạt động)

Mô hình “Xã nông thôn mới thông minh Giao Phong” được xây dựng dựa trên 6 nội dung trụ cột và các tiêu chí theo Hướng dẫn số 3445/BNN-VPĐP. Với tinh thần lồng ghép và sử dụng tối đa các nguồn lực, các hệ thống phần mềm và hạ tầng đã được trang bị đồng bộ, xã Giao Phong xây dựng “**Mô hình thí điểm Xã Nông thôn mới thông minh Giao Phong**” triển khai các giải pháp và ứng dụng, hệ thống CNTT, nội dung như sau:

1. Triển khai xây dựng Trung tâm điều hành xã Giao Phong

1.1. Đáp ứng các chỉ tiêu

- Chỉ tiêu 2.1: Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn;

- Chỉ tiêu 4.4: Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã;

- Chỉ tiêu 6.1: Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ

Trung tâm điều hành xã có chức năng, nhiệm vụ giám sát, theo dõi, điều hành tất cả hoạt động diễn ra hàng ngày, đặc biệt là những lĩnh vực có tầm ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của xã và cộng đồng dân cư dân, cụ thể:

- Phân tích dữ liệu, đưa ra các dự báo, như: dự báo số lớp học, số giáo viên, số y bác sĩ, số người đủ tuổi nhập ngũ; các dự báo về phát triển kinh tế, xã hội...;

- Giám sát, đưa ra các cảnh báo để có các phản ứng nhanh chóng, như: cảnh báo tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông, cháy nổ, vệ sinh môi trường...

- Là trung tâm điều hành về chiếu sáng nông thôn, cấp thoát nước, trung tâm thông tin, truyền thông, tương tác, giao tiếp phục vụ công dân;...

- Đầu mối thu thập và cập nhật thông tin; các thông tin, dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực hoặc định kỳ tháng, quý, năm giúp quá trình chỉ đạo, điều hành diễn ra hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời.

1.3. Các ứng dụng trung tâm điều hành xã

Hiện thị tình hình tổng thể, các chỉ số được đồ họa là hiện thị trực quan trên hệ thống dashboard (các màn hình led, tivi màn hình rộng) tại Trung tâm, giúp lãnh đạo xã biết tình trạng hoạt động của xã để đưa ra các quyết định quản lý cũng như các rủi ro tiềm ẩn để phòng ngừa, các ứng dụng được kết nối để hiện thị thông tin, hình ảnh hiện thị bao gồm:

(i) Hệ thống báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh

Hình ảnh đồ họa của các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính của, được lựa chọn trong nhóm 69 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cấp xã được cập nhật, báo cáo hàng tháng trong Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh;

(ii) Hệ thống camera an ninh

Các camera an ninh của xã được kết nối và theo dõi tập trung tại trung tâm điều hành xã.

(iii) App công dân

+ Hiển thị các thông tin trong App công dân, như: các phản ánh hiện trường, các kiến nghị của người dân...

+ Hiển thị kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền;

(iv) Ứng dụng quản lý hệ thống truyền thanh thông minh

Hiển thị thông tin của màn hình quản lý ứng dụng hệ thống đài truyền thanh thông minh như các thông tin về quản lý cụm loa, quản lý chương trình phát thanh, báo cáo thống kê.

(v) Quản lý, hiển thị thông tin trên các bảng tin điện tử công cộng của xã.

(vi) Trang thông tin điện tử xã

Hiển thị màn hình chính, các màn hình quản trị, đăng, duyệt tin bài của trang thông tin điện tử xã.

(vii) Ứng dụng quản lý văn bản và điều hành

Hiển thị thông tin của màn hình quản lý ứng dụng quản lý văn bản và điều hành.

(viii) Ứng dụng quản lý trường học

Hiển thị thông tin của màn hình quản lý ứng dụng quản lý trường học...

(ix) Ứng dụng quản lý điểm wifi miễn phí trên địa bàn xã

(x) Kết nối, hiển thị kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước

1.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **1.000.000.000** đồng (*Một tỷ đồng*).

2. Triển khai mở rộng Hệ thống thông tin báo cáo địa phương

2.1. Đáp ứng các chỉ tiêu

- Chỉ tiêu 2.1: Dữ liệu hệ thống trung tâm điều hành thông minh cấp xã có thể chia sẻ/kết nối dữ liệu với các địa phương khác và với cấp quản lý chính quyền cao hơn

- Chỉ tiêu 4.4: Có hệ thống quản lý dữ liệu cơ sở của xã Giao Phong;

- Chỉ tiêu 6.1: Có hệ thống quản lý thông tin dữ liệu kinh tế - xã hội của xã Giao Phong.

2.2. Tính năng

Hệ thống thông tin báo cáo địa phương được xây dựng với mục tiêu: phục vụ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất từ đó hình thành kho dữ liệu điện tử giúp giảm thời gian thực hiện báo cáo, giảm gánh nặng hành chính cho tổ chức, cá nhân thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu báo cáo tại đơn vị, giúp tra cứu số liệu chính xác nhanh chóng

Một số các tính năng chính của hệ thống như sau:

- Xây dựng quy trình động dễ dàng chỉnh sửa, chuẩn hoá quy trình báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất của UBND xã;
- Tổng hợp báo cáo, xử lý, phân tích số liệu, đưa ra các khuyến nghị, dự báo dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu trong công tác chỉ đạo, điều hành của xã;
- Xây dựng biểu mẫu báo cáo tổng hợp dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Gửi nhận số liệu báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;
- Ký số báo cáo và các biểu mẫu kèm theo;

2.3. Mô hình, cách thức triển khai

- Hệ thống thông tin báo cáo địa phương thừa hưởng kết quả triển khai của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh. Do đó, chỉ nâng cấp, triển khai thêm một số tính năng riêng cho xã Giao Phong với các tính năng đã liệt kê bên trên và được hiển thị trên hệ thống dashboard.

- Phần mềm hệ thống và các dữ liệu được lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Tiến hành tổng hợp, thống kê, cập nhật các số liệu vào Hệ thống báo cáo. Hiện Hệ thống báo cáo tỉnh mới bắt đầu cập nhật 69 chỉ tiêu báo cáo cấp xã từ tháng 01/2023.

2.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **600.000.000** đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

3. Triển khai ứng dụng Áp công dân số Giao Phong

3.1. Đáp ứng các chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 1.2: Có dữ liệu phần mềm về đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công/công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền.*

- *Chỉ tiêu 1.3: Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn, ...) đến tận điện thoại của người dân;*

- *Chỉ tiêu 3.3. Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số;*

- *Chỉ tiêu 6.2: Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã;*

- *Chỉ tiêu 11.1: Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi...);*

- *Chỉ tiêu 16.4: Người dân nhận thông tin lịch trình thu gom rác thải; nhận thông tin và thực hiện chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải qua ứng dụng công nghệ số.*

- *Chỉ tiêu 17.1: Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.*

- *Chỉ tiêu 18.2: Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã.*

3.2. Tính năng

Ứng dụng công dân số Giao Phong xây dựng là kênh tương tác giữa chính quyền xã và người dân: (i) nắm bắt ý kiến phản ánh của người dân về xây dựng NTM, ANTT và trả lời phản ánh bằng hình thức trực tuyến; (ii) thăm dò, lấy ý kiến của người dân về các hoạt động của xã, mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ công, với công tác hỗ trợ, điều hành của chính quyền; (iii) cảnh báo các vấn đề về thời tiết, dịch bệnh. ANTT...tới người dân; (iv) phổ biến tới người dân các thông tin (như phổ biến pháp luật, các thông báo, hướng dẫn...); (v) kết nối người dân, các thôn, xóm để chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm xây dựng NTM, phát triển kinh tế - xã hội bằng hình thức tương tác trực tuyến; (vi) kết nối cán bộ và người dân trong xã bằng hình thức chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã thông qua ứng dụng (phản ánh hiện trường); (vii) cung cấp các tiện ích khác như tích hợp các ứng dụng như DVCTT, thanh toán trực tuyến, lịch trình thu gom rác thải, ...

Các tính năng dành cho người dân:

- Phản ánh, kiến nghị:

+ Người dân có thể tạo và gửi thông tin phản ánh, kiến nghị ở nhiều lĩnh vực đến chính quyền xã;

+ Người dân có thể theo dõi tiến độ xử lý phản ánh, đánh giá, bình luận, tương tác hai chiều với chính quyền xã;

+ Người dân có thể theo dõi các phản ánh cộng đồng đã được chính quyền xã công khai.

- Truyền thông, cảnh báo:

Người dân được cung cấp các thông tin cảnh báo, thông tin tuyên truyền hữu ích ở nhiều lĩnh vực như tình hình an ninh trật tự, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, tội phạm, vệ sinh môi trường,

- Khảo sát ý kiến:

Người dân được tham gia làm khảo sát, đưa ý kiến, đánh giá tới mọi vấn đề mà chính quyền xã muốn lấy ý kiến của người dân.

- Các tính năng khác:

Người dân được sử dụng các tiện ích khác được tích hợp trong ứng dụng như thành toán trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến,

Các tính năng dành cho chính quyền xã

- Quản lý phản ánh:

+ Chính quyền xã có thể xem được các thông tin phản ánh của người dân;
+ Thực hiện các thao tác liên quan để xử lý phản ánh như tiếp nhận phản ánh, xử lý phản ánh, chuyển xử lý, cập nhật kết quả xử lý, phê duyệt, công khai kết quả xử lý;

+ Theo dõi tiến trình xử lý, thời gian xử lý còn lại.

- Quản lý bình luận:

+ Xem danh sách bình luận của người dân;

+ Duyệt bình luận: ẩn/hiển thị bình luận;

+ Trả lời bình luận.

- Quản lý tài khoản người dân:

+ Quản lý danh sách toàn bộ tài khoản của người dân;

+ Khóa tài khoản, tìm kiếm thông tin tài khoản thông qua họ tên, số điện thoại, địa chỉ, CCCD...

- Quản lý thông tin cảnh báo:

+ Tạo các nội dung cảnh báo, truyền thông tới người dân;

+ Thu hồi, chỉnh sửa, đặt lịch hiển thị các nội dung.

- Thống kê, báo cáo:

Báo cáo thống kê về tình hình xử lý phản ánh theo thời gian thực, thống kê phản ánh theo lĩnh vực, đơn vị xử lý.

- Khảo sát ý kiến:

+ Tạo nội dung khảo sát;

+ Cài đặt thời gian khảo sát, đối tượng khảo sát;

+ Xem kết quả khảo sát.

- Danh bạ cán bộ:

Tạo và tra cứu thông tin liên hệ của các cán bộ trong xã.

3.3. Mô hình, cách thức triển khai

Ứng dụng được triển khai theo hướng thuê dịch vụ của các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp cung cấp, cho thuê ứng dụng với các tính năng theo yêu cầu. Ứng dụng được cài đặt tại hệ thống máy chủ của các nhà cung cấp và chuyển giao cho xã quản trị trên nền tảng web bằng hình thức cấp các tài khoản quản

trị. Nhà cung cấp hướng dẫn sử dụng cho chính quyền xã, xã triển khai đến người dân trong xã.

3.4. Dự kiến kinh phí:

Tổng kinh phí: **150.000.000** đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

4. Hệ thống họp trực tuyến xã Giao Phong

4.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 3.3: Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số.*

- *Chỉ tiêu 11.1: Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành.*

4.2. Tính năng

Để phục vụ trong việc quản lý, điều hành của Đảng ủy, HĐND, ủy ban nhân dân xã. Truyền tải nội dung thông tin, các quyết định chủ trương, các kế hoạch triển khai, các thông tin cần trao đổi trực tiếp nhanh chóng chỉ cần qua thiết lập họp truyền hình trực tuyến. Xã có thể tổ chức các cuộc họp tại bất kỳ địa điểm nào có kết nối Internet. Cho phép nhiều người, điểm cầu cùng tham gia hội nghị với chất lượng cao, và an toàn, bảo mật với các tính năng chính sau:

- Tính năng tạo và tham gia cuộc họp; quản lý lịch họp;
- Tính năng tương tác trong phòng họp, như: bật/tắt micro, camera; nhắn tin; chia sẻ hình ảnh; giơ tay phát biểu, chia sẻ cảm xúc; thay đổi chế độ hiển thị;
- Các tính năng về kiểm soát phòng họp như: kiểm soát quyền bật camera, micro, ghi âm, chia sẻ hình ảnh;
- Tính năng tạo bình chọn...

4.3. Mô hình, cách thức triển khai

Ứng dụng được triển khai theo hướng thuê dịch vụ của các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp cung cấp, cho thuê ứng dụng với các tính năng theo yêu cầu. Ứng dụng được cài đặt tại hệ thống máy chủ của các nhà cung cấp và chuyển giao cho xã quản trị trên nền tảng web bằng hình thức cấp các tài khoản quản trị. Nhà cung cấp hướng dẫn sử dụng cho chính quyền xã, xã triển khai đến người dân trong xã.

Thiết lập 01 điểm cầu họp tại Trung tâm điều hành xã và 05 điểm cầu cố định tại 05 nhà văn hóa thôn xóm¹. Ngoài ra có thể triển khai các điểm cầu lưu động họp đông người hoặc cho cá nhân tham gia cuộc họp thông qua thiết bị máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối Internet.

4.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **300.000.000** đồng (*Ba trăm triệu đồng*)

¹ Sáp nhập 11 thôn xóm, còn 5 thôn xóm

5. Hệ thống wifi công cộng

5.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu số 4.3. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch, ...)*

5.2. Tính năng

Xây dựng hệ thống wifi miễn phí trên địa bàn xã giúp nâng cao hình ảnh xã trong việc ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý trên địa bàn xã; Thúc đẩy việc triển khai các ứng dụng trong hạng mục “Hạ tầng số”, đẩy mạnh chính quyền điện tử, chính quyền số; Góp phần phát triển kinh tế xã hội xã nói riêng và huyện nói chung.

Hệ thống wifi miễn phí giúp người dân có cơ hội tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, thông tin tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, thể thao, du lịch, ... một cách nhanh nhất. Từ đó, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân;

Hệ thống wifi miễn phí yêu cầu các tính năng kỹ thuật như sau:

- Khả năng chịu tải (truy cập đồng thời): Đến 100 người dùng;
- Khả năng quản lý băng thông (QoS);
- Vận hành ổn định 24/7: Khả năng tự động bảo trì định kỳ hàng ngày theo thời gian chỉ định (làm sạch rác hệ thống, tự làm mới thiết bị);
- Khả năng thu phát sóng: Phát sóng mạnh và độ nhạy sóng cao. Tầm phát (bán kính): 20m (01-03 lớp tường/sàn) - 200m (không bị che chắn);
- Khả năng quản trị tập trung: Có khả năng đồng bộ và quản trị tập trung tất cả các thiết bị (AP) qua giao diện web chuyên dụng trên một thiết bị quản trị tập trung là Access point Controller/Gateway;
- Khả năng mở rộng: Khi lắp đặt thêm thiết bị cùng loại thì việc quản trị vẫn không thay đổi, hệ thống vẫn quản trị tập trung và đồng bộ với nhau;
- Có thể quản lý, lưu trữ, xác thực thông tin người dùng: Xác thực bằng số điện thoại di động (OTP); lưu trữ các thông tin địa chỉ MAC của thiết bị truy cập, thời gian truy cập, địa chỉ truy cập; hoặc các cách thức quản lý thông tin người sử dụng khác;
- An toàn thông tin: Đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật thông tin người dùng;
- Thời lượng truy cập tối đa: Thời gian cho phép truy cập tối đa đối với 01 người dùng/01 lần là 30 phút.

5.3. Mô hình, cách thức triển khai

Ứng dụng được triển khai theo hướng thuê dịch vụ của các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp cung cấp, cho thuê ứng dụng với các tính năng theo yêu cầu. Ứng dụng được cài đặt tại hệ thống máy chủ của các nhà cung cấp và chuyển giao cho xã quản trị trên nền tảng web bằng hình thức cấp các tài khoản quản

trị. Nhà cung cấp hướng dẫn sử dụng cho chính quyền xã, xã triển khai đến người dân trong xã.

Thiết lập 20 điểm wifi miễn phí trên địa bàn xã trong đó có 11 điểm tại nhà văn hóa các thôn xóm.

5.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **500.000.000** đồng (Năm trăm triệu đồng)

6. Triển khai Chuyển đổi số trong trường học (Trường THCS và Trường Tiểu học)

6.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 10.1: Ứng dụng công nghệ số quản trị cơ sở giáo dục: Triển khai phần mềm quản trị nhà trường; triển khai dịch vụ trực tuyến (kết nối gia đình và nhà trường, tuyển sinh đầu cấp, thu phí dịch vụ giáo dục);*

- *Chỉ tiêu 10.2: Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy các cơ sở giáo dục: Trang bị hạ tầng, thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy, học; triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.*

6.2. Tính năng

Xây dựng giải pháp tích hợp toàn diện dữ liệu hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến và hệ thống phần mềm quản lý nhà trường với các phần mềm riêng lẻ và triển khai sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT khác để phục vụ trong công tác quản trị nhà trường một cách tổng quan, đảm bảo hiệu quả, thuận lợi, công tác quản trị, báo cáo thống kê được tự động; triển khai đồng bộ các giải pháp kết nối nhà trường với học sinh và phụ huynh học sinh, công nghệ lưu trữ dữ liệu tối ưu được vận hành dựa trên nền tảng của Điện toán đám mây (Cloud Computing), đảm bảo tính bảo mật theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Xây dựng một hệ thống giáo dục số đáp ứng yêu cầu sử dụng của các cấp quản lý, nhà trường, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- **Tính năng quản trị nhà trường:** Quản trị toàn bộ dữ liệu thông tin hồ sơ của giáo viên, học sinh và các công tác đánh giá, khen thưởng của học sinh; chức năng báo cáo thống kê, tự động tổng hợp số liệu theo yêu cầu của các cấp quản lý;

- **Tính năng quản lý hồ sơ, giáo án:** Tự động tổng hợp toàn bộ phần đánh giá, xếp loại của học sinh để kết chuyển sang sổ học bạ/Sổ điểm điện tử, thực hiện hỗ trợ ký số cho nhà trường và giáo viên. Giúp cho giáo viên nhà trường có công cụ xây dựng, ký số, trình giáo án điện tử và các loại sổ sách điện tử khác.

- **Tính năng quản lý thư viện số:** Hệ thống phần mềm thư viện số DigiLib là hệ thống phần mềm đáp ứng nhu cầu quản lý thư viện và triển khai thư viện trực tuyến của các cơ sở giáo dục (CSGD) và tổ chức - doanh nghiệp; Giúp chuẩn hóa và tối ưu hóa quy trình quản lý thư viện, góp phần hiện thực hóa xây dựng một hệ thống thư viện thông minh; Giúp người đọc tiếp cận ấn phẩm nhanh chóng dễ dàng bằng cách tra cứu và đọc trực tuyến, quy trình mượn trả ấn phẩm nhanh chóng, thuận tiện.

- Tính năng điểm danh thông minh: tự động điểm danh thông qua máy đọc thẻ và thẻ từ phát cho học sinh hoặc máy điểm danh vân tay.

- Chữ ký số Smart CA dành cho nhà trường và CBGV:

Là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn bảo mật eIDAS và các tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông; với lợi ích sử dụng thuận tiện trên máy tính hoặc điện thoại Smartphone, không phải cài đặt thiết bị, dễ dàng ký trên mọi ứng dụng khác nhau.

- Tính năng kết nối giữa nhà trường - giáo viên - học sinh:

Giúp cho nhà trường, giáo viên có một công cụ thu nhỏ trên hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, giúp cho công tác giảng dạy, đánh giá của giáo viên nhà trường đối với học sinh, truyền tải toàn bộ thông tin, kết quả hoạt động của học sinh đến công cụ App Mobile dành cho phụ huynh học sinh. Giúp cho Phụ huynh học sinh tiếp nhận toàn bộ hoạt động của nhà trường, các hoạt động hàng ngày của học sinh, kết nối thông tin đến phụ huynh học sinh và trao đổi hai chiều giữa phụ huynh học sinh với nhà trường, giữa phụ huynh học sinh với Thầy/Cô giáo và giữa các phụ huynh học sinh.

- Tính năng tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:

Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đối với học sinh vào các lớp đầu cấp giúp cho phụ huynh thuận tiện trong công tác đăng ký nguyện vọng cho con; giúp cho các trường nhằm phân luồng tuyển sinh đúng tuyến theo địa bàn phường, xã, công tác báo cáo thông kê nhanh chóng, thuận tiện, đáp ứng đầy đủ theo quy định tuyển sinh của các cơ quan chức năng.

6.3. Mô hình, cách thức triển khai

Ứng dụng được triển khai theo hướng thuê dịch vụ của các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp cung cấp, cho thuê ứng dụng với các tính năng theo yêu cầu. Ứng dụng được cài đặt tại hệ thống máy chủ của các nhà cung cấp và chuyển giao cho xã quản trị trên nền tảng web bằng hình thức cấp các tài khoản quản trị. Nhà cung cấp hướng dẫn sử dụng cho chính quyền xã, xã triển khai đến người dân trong xã.

- Triển khai hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, quản lý hồ sơ, giáo án cho trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Dự kiến lắp đặt trang thiết bị 06 phòng học thông minh cho Trường Tiểu học (03) và Trường Trung học cơ sở (03).

- Dự kiến lắp đặt trang thiết bị 02 phòng thư viện điện tử cho Trường Tiểu học (01) và Trường Trung học cơ sở (01).

6.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **4.630.000.000** đồng (*Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng*)

7. Hệ thống truyền thanh thông minh

7.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 17.1: Người dân kịp thời nhận thông tin và được hướng dẫn biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu qua kênh thông tin tuyên truyền ứng dụng công nghệ số.*

7.2. Tính năng

Hệ thống Truyền thanh thông minh bao gồm nền tảng phần mềm quản lý truyền thông thông tin và hệ thống loa phát thanh ứng dụng công nghệ IOT nhằm mục tiêu quản lý hoạt động truyền thông tin, đồng bộ chỉ đạo, chính sách, thông tin từ cấp trung ương đến địa phương và đến từng người dân về các thông tin hữu ích chính sách, thiên tai, hỏa hoạn, tình huống khẩn cấp, v.v.. giúp xã quản lý, kiểm soát toàn bộ hệ thống truyền thanh cơ sở, vận hành hệ thống dễ dàng, tiện dụng và tiết kiệm chi phí vận hành, bảo dưỡng...

Hệ thống phần mềm quản lý thực hiện các nghiệp vụ quản lý bản tin, quản lý chương trình phát sóng, quản lý và số hóa dữ liệu văn bản thông tin, chuyển đổi từ văn bản sang giọng nói (Công nghệ trí tuệ nhân tạo AI) để truyền thông thông tin đến các địa phương, người dân về thông tin từ các cấp; Hệ thống còn có thể biên tập lịch trình tự động các chương trình từ hệ thống phần mềm tới các điểm phát thanh tại các địa phương một cách trực tuyến và đồng bộ trên toàn tỉnh.

Thiết bị đầu cuối (bộ thu phát sóng) được tích hợp với các bộ loa phát thanh tại các địa điểm truyền thanh tại các cụm, các thôn, bản và kết nối trực tuyến đến phần mềm bằng công nghệ IOT và điện toán đám mây. Khi có các thông tin chỉ đạo, chính sách, bản tin thì hệ thống phần mềm đã có biên tập nội dung và phát sóng toàn bộ các nội dung trên cùng 1 thời điểm phát sóng các thông tin trên toàn bộ các địa bàn tỉnh để toàn bộ thông tin truyền tải từ chính quyền đến người dân được thông suốt.

7.3. Mô hình, cách thức triển khai

Triển khai đầu tư trang thiết bị gồm thiết bị phần cứng, gồm: 20 Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Thiết bị quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh; 40 Loa; 01 Micro; Các thiết bị, vật tư khác) và phần mềm (Phần mềm hệ thống phục vụ hoạt động của cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông).

7.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **900.000.000** đồng (*Chín trăm triệu đồng*)

8. Nâng cấp trang thông tin điện tử xã Giao Phong

8.1. Đáp ứng các tiêu chí

- *Chỉ tiêu 3.1: Thông tin liên lạc của tất cả cán bộ chính quyền được công khai cho người dân;*

- *Chỉ tiêu 6.3: Có dịch vụ thương mại số và thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn;*

8.2. Tính năng

Nâng cấp trang thông tin điện tử của xã Giao Phong tại địa chỉ <https://giaophong-giaothuy.namdinh.gov.vn>. Trong đó đảm bảo xây dựng thêm các chuyên mục, modun cung cấp thông tin liên lạc của tất cả cán bộ chính quyền, công khai cho người dân và giới thiệu, thông tin điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn của xã.

8.3. Mô hình, cách thức triển khai

Ứng dụng được triển khai theo hướng thuê dịch vụ của các nhà cung cấp. Nhà cung cấp hướng dẫn sử dụng cho chính quyền xã quản trị chuyên mục và đăng bài lên trang thông tin điện tử xã.

8.4. Dự kiến kinh phí: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

9. Xác thực nguồn gốc hàng hoá

9.1. Đáp ứng chỉ tiêu

Chỉ tiêu số 7.1: Có mô hình HTX ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, có sự tham gia của người dân.

9.2. Tính năng

Xác thực nguồn gốc hàng hóa là giải pháp sử dụng để xác thực hàng hóa thuộc về nhà sản xuất nào thông qua hình thức quét mã QRCode. Người dùng khi mua hàng sẽ sử dụng smartphone có kết nối internet để thực hiện việc quét mã, thông tin của sản phẩm sẽ được gửi về điện thoại của người mua hàng, từ đó người mua có thể biết được sản phẩm thuộc nhà sản xuất nào, bị làm nhái hay không.

Lợi ích giải pháp mang lại:

- Đối với hộ kinh doanh, doanh nghiệp: Phát hiện, ngăn chặn sản phẩm giả, tự bảo vệ quyền lợi của mình. Cung cấp thông tin kinh doanh tin cậy, kịp thời tới khách hàng. Nhận phản hồi từ người tiêu dùng trực tiếp. Giúp nhà vườn quảng bá, tăng độ nhận biết sản phẩm. Tạo niềm tin, xây dựng thương hiệu uy tín đối với khách hàng;

- Đối với người tiêu dùng: Được cảnh báo khi mua phải hàng hàng giả, hàng nhái; kiểm tra được nguồn gốc/xuất xứ hàng hóa; tiếp cận nhiều sản phẩm, thông tin khác của do nhà vườn uy tín một cách nhanh chóng, dễ dàng. Tự bảo vệ quyền lợi/sức khỏe của mình và góp phần ngăn chặn hàng nhái, hàng giả.

Dự kiến triển khai: phát triển thêm 01-02 HTX sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực của xã (rau màu, khoai tây, khai thác và NTTS...).

9.3. Dự kiến kinh phí:

Tổng kinh phí: **50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)**

10. Lắp đặt camera giám sát an ninh kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh

10.1. Đáp ứng các chỉ tiêu

Chỉ tiêu số 18.1: Có hệ thống camera giám sát an ninh, kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh.

10.2. Tính năng

Hệ thống giám sát an ninh là hệ thống thu thập dữ liệu video để phân tích, phòng ngừa, phát hiện và cảnh báo về sự kiện, hành vi, đối tượng liên quan tới ANTT cho khu vực công cộng, những điểm nóng về an ninh trật tự như: Trên các tuyến đường chính, tuyến ngõ trọng điểm, nơi giao thông giao cắt...

Hệ thống thu thập dữ liệu video để phân tích từ nhiều nguồn camera, đầu ghi hình, hệ thống quản lý video có sẵn, sử dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh để phân tích, phát hiện và cảnh báo về sự kiện, hành vi, đối tượng liên quan tới an ninh trật tự.

10.3. Cách thức triển khai

Lắp đặt một số camera giám sát an ninh, kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh tại 01-02 điểm khu vực công cộng; tuyến đường chính, tuyến ngõ trọng điểm, nơi giao thông giao cắt... hoặc điểm có nguy cơ về an ninh trật tự ... trên địa bàn xã Giao Phong.

10.4. Dự kiến kinh phí:

Tổng kinh phí: **500.000.000** đồng (*Năm trăm triệu đồng*)

11. Triển khai nền tảng hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa

11.1. Đáp ứng chỉ tiêu

Chỉ tiêu số 9.2. Trạm y tế có các trang thiết bị phục vụ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa như máy tính, đường truyền camera, loa...

11.2. Tính năng

Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa là bộ giải pháp CNTT và viễn thông giúp kết nối các cơ sở y tế tuyến trên và tuyến dưới để tư vấn chẩn đoán hình ảnh, giải phẫu bệnh, hỗ trợ phẫu thuật, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo...từ xa. Kết hợp với các phần mềm tư vấn người bệnh từ xa, đặt khám online, mạng xã hội bác sĩ, đào tạo trực tuyến, giải pháp hội nghị truyền hình, quản lý và chia sẻ hình ảnh y tế, ký số, kênh truyền...để tạo thành hệ sinh thái tổng thể. Nền tảng có các tính năng sau:

- Đặt khám bệnh:

+ Người dân đặt khám trực tiếp với bác sỹ hoặc đặt lịch khám với cơ sở y tế;

+ Xếp lịch khám, gửi thông báo, nhắc lịch, mã và số thứ tự khám qua SMS;

- + Tạo lịch trình làm việc cho bác sỹ;
- + Quản lý thông tin bệnh nhân khám tại CSYT. Điều phối lịch hẹn khám, quản lý thống kê số lượng và tỷ lệ đặt khám.
- Tư vấn y tế từ xa:
 - + Bác sỹ tư vấn y tế từ xa cho bệnh nhân theo lịch đã đặt khám qua hình thức videocall/call/chat
 - + Ghi lại phác đồ điều trị, kê đơn thuốc cho bệnh nhân....
 - + Liên kết với các nhà thuốc/hiệu thuốc gần nhất.

10.3. Cách thức triển khai

Triển khai đầu tư hệ thống trang thiết bị phần cứng bao gồm máy tính, camera, loa và thuê một đường truyền leadline phục vụ cho chuẩn đoán và khám chữa bệnh từ xa tại trạm y tế xã.

11.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **150.000.000** đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

12. Triển khai, phổ cập các ứng dụng và nền tảng số cho người dân

12.1. Đáp ứng các chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 1.3: Có phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn, ...) đến tận điện thoại của người dân.*
- *Chỉ tiêu 3.3: Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số.*
- *Chỉ tiêu 6.2: Có sử dụng ứng dụng di động chung để cán bộ và người dân trong xã chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã.*
- *Chỉ tiêu 7.2: Có sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên các mạng xã hội, các nền tảng thương mại điện tử.*
- *Chỉ tiêu 8.1: Tỷ lệ hộ dân sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến (điện, nước, môi trường, học phí, hành chính công...)*
- *Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ số cơ sở kinh doanh dịch vụ (có ĐKKD) ứng dụng giải pháp thanh toán trực tuyến.*
- *Chỉ tiêu 9.1: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng các ứng dụng công nghệ thông tin.*
- *Chỉ tiêu 11.1: Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi, ...)*
- *Chỉ tiêu 12.1: Số lượng lớp đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người dân/cán bộ hằng năm.*
- *Chỉ tiêu 13.1: Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đạt chuẩn OCOP.*

- *Chỉ tiêu 18.2: Có ứng dụng tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã.*

12.2 Các ứng dụng, nền tảng số

(i) Triển khai ứng dụng ZaloOA:

- Tính năng:

Zalo Official Account là tài khoản dành riêng cho các cơ quan quản lý nhà nước để tạo ra môi trường thuận lợi để các cơ quan nhà nước tương tác với người dân. ZaloOA giúp phổ biến cơ chế chính sách và các thông tin hữu ích các cơ quan nhà nước muốn truyền thông tới người dân trên nền tảng Zalo.

- Mô hình, cách thức triển khai:

+ UBND xã có đơn xin cấp tài khoản ZaloOA gửi quản trị Zalo.

+ UBND xã cử cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, truyền thông quản trị trang ZaloOA của xã để: đưa thông tin, phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân; chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số; chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã; quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi,...)...

(ii) Triển khai lập các hội/nhóm trên nền tảng mạng xã hội Zalo

- Tính năng:

Zalo là ứng dụng nhắn tin và gọi điện miễn phí hoạt động trên nền tảng di động và máy tính. Với nhiều tính năng và đặc điểm nổi bật, Zalo dễ dàng đáp ứng nhu cầu liên lạc thường xuyên với gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của bạn:

+ Gọi video và âm thanh miễn phí cho người dùng Zalo khác.

+ Ghi âm và gửi tin nhắn thoại lên tới 5 phút.

+ Gửi ảnh, video, sticker, GIF, tin nhắn vị trí và nhiều hơn nữa.

+ Chia sẻ trạng thái và khoảnh khắc với chức năng Nhật ký.

- Mô hình, cách thức triển khai:

Xã lập các nhóm zalo cho cộng đồng dân cư để: trao đổi thông tin, phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân; chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số; chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã; quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi; tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã....

(iii) Triển khai lập fanpage của xã trên nền tảng mạng xã hội Facebook

- Tính năng:

Fanpage là trang, một tính năng được Facebook tạo ra cho phép người dùng chia sẻ nội dung công khai với tất cả người dùng trên nền tảng này. Đây

là trang với các bài viết, hình ảnh, video... để chia sẻ thông tin đến người dân. Bất kỳ người dùng facebook nào cũng có thể đọc được bài viết trên fanpage do không bị giới hạn bởi các cài đặt riêng tư như trang cá nhân.

- Mô hình, cách thức triển khai:

Xã lập fanpage trên nền tảng mạng xã hội Facebook của xã để: trao đổi thông tin, phổ biến thông tin (pháp luật, thông báo, hướng dẫn,...) đến tận điện thoại của người dân; chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số; chia sẻ thông tin, kết nối, tương tác, phản hồi về tình hình kinh tế xã hội của xã; quản lý, điều hành (môi trường, vận chuyển, vận tải, thủy lợi; tương tác và xử lý phản ánh về an ninh trật tự của người dân cho chính quyền xã....

(iv) Triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà - Onetouch

- Tính năng:

Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ quản, được vận hành bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông VTC NETVIET (Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC) nhằm triển khai bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các cơ quan truyền thông, báo chí và phổ cập kỹ năng số cho người dân để thực hiện thành công Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Dựa trên quan điểm “Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức” và hướng đến mục tiêu nâng cao kỹ năng số toàn dân, One Touch cung cấp những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia gắn với mục tiêu phát triển toàn diện Chính phủ số - Kinh tế số - Xã hội số.

- Mô hình, cách thức triển khai:

+ Đối tượng tham gia đào tạo: cán bộ công chức xã; người dân trong độ tuổi lao động. Tổng số lượng người tham gia đào tạo là 2.000 người.

+ Xã làm đầu mối quản trị và cấp tài khoản và theo dõi tình hình học tập của các học viên

(v) Triển khai các nền tảng thương mại điện tử

- Tính năng:

Nền tảng thương mại điện tử chính là gian hàng của người bán trên Internet, tạo điều kiện cho người bán và khách hàng giao dịch với nhau. Đó là một không gian ảo nơi bạn trưng bày sản phẩm của người bán để khách hàng lựa chọn.

Triển khai, hướng dẫn sử dụng, lập tài khóa, bán hàng trên các trang thương mại điện tử giúp người dân, doanh nghiệp trong xã giới thiệu, bán các sản phẩm chủ lực của xã trên các mạng xã hội, các nền tảng thương mại điện tử.

- Mô hình, cách thức triển khai:

+ Đối tượng đào tạo, tập huấn: người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã có các sản phẩm OCOP, Vietgap, các sản phẩm nông sản, thủ công mỹ nghệ truyền thống, các sản phẩm chủ lực, tiêu biểu của thôn/xóm/xã.

+ Nội dung: tập huấn, hướng dẫn các kỹ năng như tạo tài khoản, hướng dẫn kỹ năng trình bày, chụp ảnh, bao gói, vận chuyển, đối soát công nợ....

(vi) Triển khai nền tảng tư vấn, khám sức khỏe từ xa

- Tính năng:

Nền tảng chăm sóc sức khỏe từ xa cung cấp dịch vụ chăm sóc khi bác sĩ và bệnh nhân không gặp mặt trực tiếp với nhau, mà thường là thông qua việc sử dụng công nghệ. Bao gồm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, như hỏi ý kiến bác sĩ qua mạng, phần mềm đặt lịch khám, quản lý hồ sơ sức khỏe, theo dõi tình trạng bệnh nhân từ xa...

- Mô hình, cách thức triển khai:

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa cho 70% người dân trong độ tuổi trưởng thành thông qua các hội nghị tập huấn; thông qua tổ công nghệ số cộng đồng...

(vii) Triển khai các ứng dụng thanh toán không dung tiền mặt

- Tính năng:

Thanh toán không dùng tiền mặt là hoạt động dịch vụ thanh toán được thực hiện bằng cách sử dụng các phương thức/ công cụ thanh toán để bù trừ tiền từ tài khoản và hạn mức tiền từ người phải trả sang tài khoản của người thụ hưởng. Cách thức bù trừ lẫn nhau của hoạt động được thông qua đơn vị cung ứng dịch vụ thanh toán.

Có nhiều hình thức trong thanh toán không dùng tiền mặt như: Thanh toán qua thẻ ngân hàng; Thanh toán điện tử bằng cách chuyển khoản; Thanh toán qua ví điện tử; Thanh toán qua ứng dụng Mobile money; Thanh toán qua cổng thanh toán.

- Mô hình và cách thức triển khai:

Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp các ứng dụng Mobile money tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng ứng dụng thanh toán không dung tiền mặt cho chủ cơ sở sản xuất kinh doanh và 70% người dân trong độ tuổi trưởng thành thông qua các hội nghị tập huấn; thông qua tổ công nghệ số cộng đồng...

(viii) Các nền tảng, ứng dụng khác ...

12.4. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **400.000.000** đồng (*Bốn trăm triệu đồng*)

13. Đầu tư, bổ sung các trang bị các thiết bị CNTT phục vụ công tác điều hành như máy tính, máy in, máy photo, ...

13.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 1.1: Có dịch vụ công trực tuyến một phần*
- *Chỉ tiêu 3.3: Có diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm phát triển NTM giữa các làng/xã, người dân trên nền tảng số.*
- *Chỉ tiêu 11.1: Có dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành.*

13.2. Dự kiến kinh phí

Tổng kinh phí: **500.000.000** đồng (Năm trăm triệu đồng)

14. Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số

14.1. Đáp ứng chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu 12.1: Số lượng lớp đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người dân/cán bộ hằng năm.*

14.2. Nội dung triển khai

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn. Đảm bảo tối thiểu 70% người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản.

- Nội dung đào tạo, tập huấn bao gồm:

+ Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng Internet, như: cách lập tài khoản và sử dụng sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, học trực tuyến và các nền tảng số khác; cách tìm kiếm, cài đặt, quản lý và trao đổi thông tin trên môi trường số thông qua các trang thông tin điện tử, ứng dụng di động, nền tảng số; hướng dẫn sử dụng các ứng dụng ngân hàng số (mobile banking), ví điện tử để thanh toán trực tuyến;

+ Kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, như: giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn truy cập, tạo lập tài khoản, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của địa phương;

+ Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng;

+ Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, như: đăng ký và sử dụng email; kỹ năng gõ phím, sử dụng các ứng dụng (như word, excel,...), cài đặt và sử dụng các phần mềm; tạo và sắp xếp các thư mục,...;

+ Kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng các nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn;

+ Tổng quan về các nội dung liên quan đến người dân trong các chương trình, kế hoạch, đề án của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn (bao gồm kế hoạch của Trung ương, của địa phương);

+ Các kiến thức, kỹ năng số cơ bản khác.

14.3. Hình thức và cách thức triển khai

Triển khai các lớp, các hội nghị tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp.

Dự kiến trong 02 năm 2024-2025, tổ chức 06 lớp cho cán bộ công chức xã trong đó có 03 lớp theo hình thức trực tuyến và 03 lớp theo hình thức trực tiếp; và 40 lớp theo hình thức trực tiếp cho người dân trong độ tuổi lao động và người dân quan tâm khác.

14.4. Dự kiến kinh phí:

Tổng kinh phí: **270.000.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

1. Người dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

2. Khối cơ quan quản lý nhà nước, trường học.

VII. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Nguồn vốn

Tổng kinh phí triển khai: **11.000 triệu đồng** - Trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ: 5.500 triệu đồng

- Ngân sách huyện hỗ trợ: 1.000 triệu đồng

- Ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 4.500 triệu đồng.

2. Dự kiến chi tiết kinh phí thực hiện:

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi phí
	TỔNG	11.000.000.000
I	Đầu tư trang thiết bị phục vụ mô hình	
1	Triển khai xây dựng Trung tâm điều hành xã Giao Phong	1.000.000.000
2	Triển khai mở rộng Hệ thống thông tin báo cáo địa phương	600.000.000
3	Triển khai ứng dụng Áp công dân số Giao Phong	150.000.000
4	Hệ thống họp trực tuyến xã Giao Phong	300.000.000
5	Hệ thống wifi công cộng	500.000.000
6	Triển khai Chuyển đổi số trong trường học (Trường THCS và Trường Tiểu học)	4.630.000.000

TT	Nội dung	Dự toán chi phí
7	Hệ thống truyền thanh thông minh	900.000.000
8	Nâng cấp trang thông tin điện tử xã Giao Phong	50.000.000
9	Xác thực nguồn gốc hàng hoá	50.000.000
10	Lắp đặt camera giám sát an ninh kết hợp ứng dụng phần mềm hỗ trợ giám sát thông minh	500.000.000
11	Xây dựng nền tảng hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa	150.000.000
12	Triển khai, phổ cập các ứng dụng và nền tảng số cho người dân	400.000.000
13	Đầu tư, bổ sung các trang bị các thiết bị CNTT phục vụ công tác điều hành như máy tính, máy in, máy photo, ...	500.000.000
14	Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số	270.000.000
II	Chi phí quản lý	200.000.000
III	Chi phí tư vấn	300.000.000
IV	Chi phí dự phòng	500.000.000

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Tổ tư vấn triển khai thực hiện

Thành lập Tổ tư vấn xây dựng và triển khai Đề xuất mô hình, thành phần gồm: cán bộ chủ chốt của Ủy ban nhân dân xã; mời lãnh đạo, chuyên viên đại diện các sở, ngành của tỉnh (*Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Giao Thông...*), lãnh đạo huyện Giao Thủy, phòng chuyên môn (*Phòng Văn hoá và Thông tin, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng...*); phân công cụ thể các nội dung thành phần trong triển khai thực hiện mô hình.

2. Cán bộ các phòng ban chuyên môn xã

- Cán bộ nông thôn mới xã: Tham mưu Ban chỉ đạo, Tổ tư vấn triển khai các nội dung trong mô hình; Đôn đốc cán bộ phụ trách thực hiện nội dung được phân công, tổng hợp báo cáo kết quả trong xây dựng NTM thông minh theo quy định.

- Cán bộ Kế toán: Tham mưu cho Ban chỉ đạo, Ban quản lý cân đối các nguồn lực lồng ghép hỗ trợ các xóm xây dựng các công trình, thực hiện các nội dung liên quan đến NTM thông minh.

- Cán bộ Địa chính: Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các nội dung được phân công, tập trung công tác quy hoạch.

- Cán bộ Văn hóa: Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các nội dung được phân công, tập trung công tác tuyên truyền, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

- Cán bộ Văn phòng: Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các nội dung được phân công, tập trung công tác cải cách hành chính, ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, nâng cao tỉ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Cán bộ Tư pháp: Hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các nội dung được phân công, tập trung công tác hòa giải đơn thư, duy trì mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Quân sự, Công an xã: Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nội dung được phân công, tập trung nâng cao chất lượng hoạt động lực lượng dân quân, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã, dự kiến nhu cầu số lượng camera an ninh cần lắp đặt trên địa bàn xã.

- Đề nghị UBMTTQ và các đoàn thể: Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng NTM thông minh.

- Ban phát triển các xóm: Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp, xây dựng NTM thông minh. Báo cáo định kỳ hàng tháng với UBND xã những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

3. Đề nghị các phòng ban UBND huyện Giao Thủy

Tham mưu UBND huyện, Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng Kế hoạch, tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Mô hình; Phân công đơn vị chủ trì hướng dẫn UBND xã triển khai; Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung của Mô hình.

4. Đề nghị các Sở, ngành của Tỉnh

- Quan tâm cử lãnh đạo, chuyên viên tham gia Tổ tư vấn triển khai thực hiện mô hình xã NTM thông minh Giao Phong.

- Tăng cường hướng dẫn và phối hợp với UBND huyện Giao Thủy chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung đảm bảo tiến độ và mục tiêu của mô hình; Quan tâm tạo điều kiện thu hút các nguồn lực hỗ trợ xã Giao Phong thực hiện mô hình; hằng năm đề xuất với HĐND, UBND tỉnh ưu tiên phân bổ nguồn vốn Trung ương, Chương trình MTQG cho xã duy trì mô hình xã NTM thông minh Giao Phong.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh

Phối hợp với UBND huyện Giao Thủy chỉ đạo thực hiện Mô hình. Đồng thời chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trên địa bàn huyện Giao Thủy tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và người dân tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng NTM thông minh Giao Phong tạo sự đồng thuận, chung sức đồng lòng trong triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng thành công mô hình thí điểm “Mô hình xã Nông thôn mới thông minh Giao Phong”.

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH

1. Tác động về kinh tế

Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương nhờ triển khai các ứng dụng CNTT như hệ thống truy xuất nguồn gốc sẽ tạo ra thương hiệu và bảo vệ giá trị thương hiệu về các sản phẩm chủ lực của địa phương như các sản phẩm nông, thủy sản, .. từ đó tăng tính cạnh tranh, kích thích việc mua bán sản phẩm,

tăng doanh thu cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và đồng thời cũng là giải pháp bảo vệ người tiêu dùng.

2. Tác động về xã hội

Việc xây dựng và triển khai kết hợp nhiều giải pháp ứng dụng CNTT như camera an ninh cùng hệ thống giám sát điều hành thông minh, hệ thống wifi công cộng, hệ thống chiếu sáng đường bằng đèn năng lượng mặt trời... đến người dân trực tiếp sử dụng và thụ hưởng các tiện ích sẽ góp phần từng bước hình thành một xã hội nông thôn “hiện đại - môi trường sinh thái trong lành - giàu bản sắc làng quê Việt Nam - an ninh trật tự đảm bảo - nền hành chính thân thiện”.

3. Tác động về môi trường

Các hệ thống, ứng dụng CNTT triển khai tại mô hình “Xã nông thôn mới thông minh Giao Phong” được đánh giá là tác động rất ít đến môi trường. Đặc biệt, hệ thống đèn chiếu sáng đường bằng năng lượng mặt trời tự động hấp thụ ánh sáng mặt trời để chiếu sáng - vô cùng sạch và an toàn. Đây được xem là nguồn năng lượng xanh, giúp giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và hạn chế biến đổi khí hậu.

Ứng dụng Công dân số Giao Phong sẽ cung cấp, tuyên truyền các thông tin, các biện pháp hướng dẫn ứng phó với biến đổi khí hậu tới người dân một cách kịp thời, chính xác các nội dung thông tin thường xuyên được cập nhật, người dân sẽ được phổ biến các kiến thức chống biến đổi khí hậu, hình thành lối sống văn minh thân thiện với môi trường, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

Ngoài ra, các số liệu như chỉ số cây xanh trên địa bàn xã được hiển thị trên Trung tâm điều hành thông minh của xã, tỷ lệ xử lý rác phân loại rác thải, tình hình đốt rơm rạ, xả thải công nghiệp cũng được chính quyền theo dõi sát sao từ đó có những chính sách, phương án giải quyết để bảo vệ môi trường sinh thái luôn được “Xanh - Sạch - Đẹp”.

Trên đây là báo cáo đề xuất mô hình thí điểm “Xã nông thôn mới thông minh Giao Phong” kính trình Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

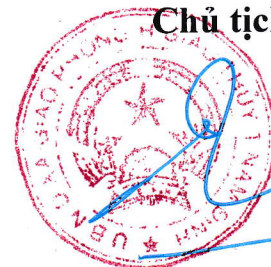
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- UBND huyện Giao Thủy;
- VPĐP NTM huyện;
- TT Đảng uỷ, HĐND xã;
- Các ban, ngành, đoàn, hội trong xã;
- Các chi bộ, các xóm trong xã;
- Lưu: VT.

(để tham định)

(để thực hiện)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch



Phạm Văn Sơn